

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Phương

2. Bà Dương Việt Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/4/1991

HKTT: Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở hiện nay: Số A T, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 040191015366; ngày cấp: 03/3/2022; nơi cấp: Cục C về TTXH

Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn N xây dựng hôn nhân năm 2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã C, tỉnh Cà Mau). Hôn nhân của chị là tự nguyện.*

Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung là Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017. Hiện hai cháu Ái L và Thủy T đang sống cùng với chị.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Từ năm 2024 giữa chị và anh N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên chị và hai con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Giữa chị và anh Lê Văn N không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Lê Nguyễn Ái L và Lê Nguyễn Thủy T. Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Anh Lê Văn N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Em Lê Nguyễn Ái L và Lê Nguyễn Thủy T trình bày ý kiến: Có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Nguyễn Thị H.

* Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Ái L và Lê Nguyễn Thủy T theo quy định pháp luật.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn N cư trú tại ấp B, xã C, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị H và anh N là tự nguyện và hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau. Thực tế chị H và anh N đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh N không có biện pháp hòa giải hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn N để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy anh N không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Văn N.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định có 02 con chung là Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Ái L và T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Ái L và Thủy T đang do chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và sống ổn định với chị H. Đồng thời cháu Ái L và cháu Thủy T cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của con sau khi ly hôn, không làm xáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Ái L và T theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Văn N là người không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ái L và cháu Thủy T theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: do chị H và anh N không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số vấn đề về giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình "...mức cấp dưỡng do Tòa án

quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú....”, mức lương tối thiểu vùng quy định tại xã C, tỉnh Cà Mau là 3.450.000 đồng. Như vậy, mức cấp dưỡng là 1.725.000đồng/tháng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 07/2026 cho đến khi cháu Ái L, Thủy T đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 06/6/2014 và Lê Nguyễn Thủy T, sinh ngày 13/12/2017 số tiền 1.725.000 đồng/tháng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 07/2026 cho đến khi cháu Ái L, Thủy T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006433 ngày 20/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lê Văn N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Châu Thới;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghét